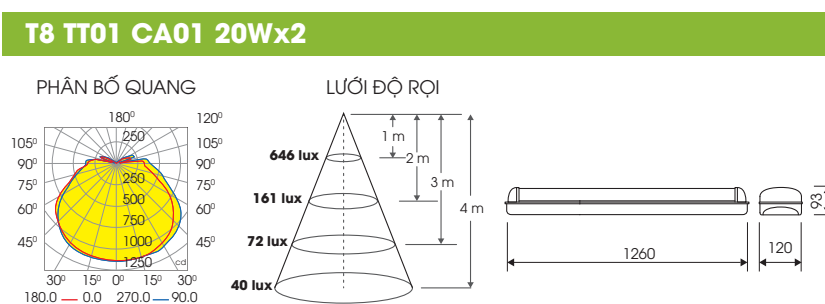
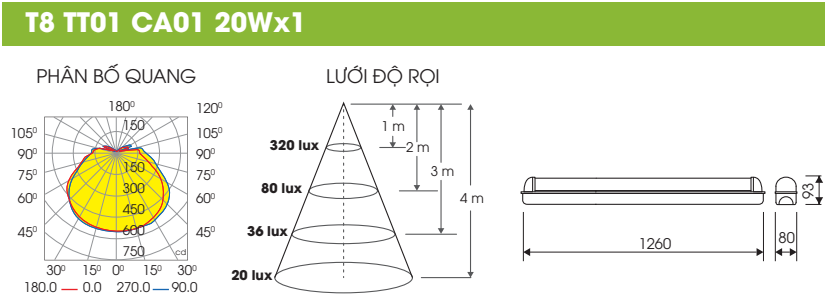
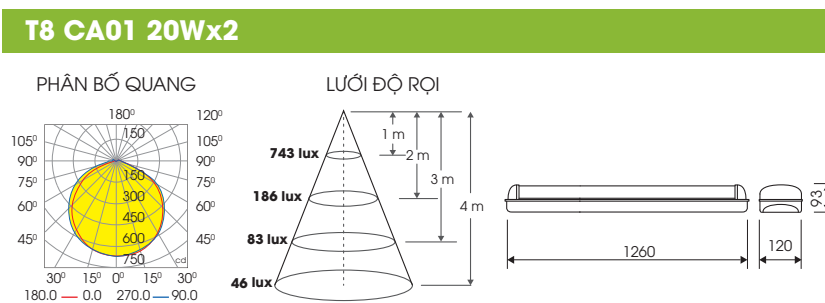
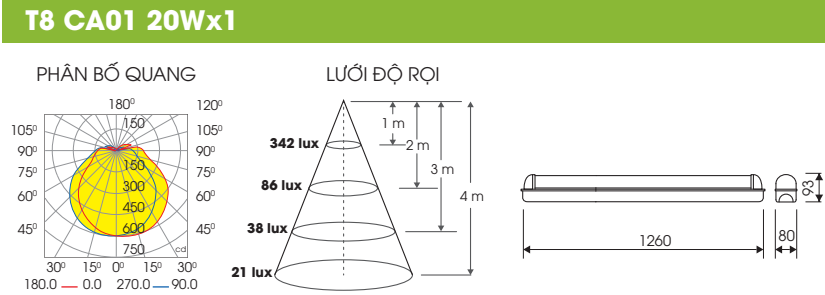


BỘ ĐÈN **LED TUBE CHỐNG ẨM**



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K			Giờ	mm
T8 CA01 20Wx1	20	150÷250	0.5	110	2200	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/ F50)	1260x80x93
T8 CA01 20Wx2	40	150÷250	0.5	110	4400	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/ F50)	1260x120x93
T8 TT01 CA01 20Wx1	20	150÷250	0.5	115	2300	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/ F50)	1260x80x93
T8 TT01 CA01 20Wx2	40	150÷250	0.5	115	4600	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/ F50)	1260x120x93